

TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI VỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

ĐINH THÚY QUỲNH

Tóm tắt

Thư viện luôn đóng một vai trò quan trọng trong việc phục vụ công tác giáo dục- đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Bài viết giới thiệu các vai trò cũng như phân tích những khó khăn và thuận lợi của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội trong việc phục vụ đào tạo theo học chế tín chỉ.

Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 của Chính phủ đã nêu rõ: “*Xây dựng học chế tín chỉ thích hợp cho giáo dục đại học ở nước ta và vạch ra lộ trình hợp lý để toàn bộ hệ thống giáo dục đại học chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ*”. Năm bắt được xu thế phát triển của giáo dục đại học, ngày 12/12/2012, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã chính thức triển khai mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ. Đây là phương thức đào tạo theo triết lý xem “*Người học là trung tâm của quá trình đào tạo*” mà hầu hết các nước tiên tiến trên thế giới đã áp dụng.

1. Khái quát về phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ

Có rất nhiều định nghĩa về tín chỉ theo các cách tiếp cận khác nhau trong đó định nghĩa của James Quann thuộc Đại học Quốc gia Washington được mọi người biết đến nhiều nhất: “*Tín chỉ học tập là một đại lượng đo toàn bộ thời gian bắt buộc của một người học bình thường để học một môn học cụ thể, bao gồm: Thời gian lên lớp; thời gian ở trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc các phần việc khác đã được quy định ở thời khoá biểu; và thời gian dành cho đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề, viết hoặc chuẩn bị bài...*”. Như vậy, đào tạo theo học chế tín chỉ là phương thức đào tạo trong đó người học được cấp bằng sau khi tích lũy đủ các kiến thức cần thiết. Người học có thể tích lũy tín chỉ thông qua 3 hình thức: (1) Học tập trên lớp; (2) Học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc làm các phần việc khác đã được quy định ở đề cương môn học và (3) Tự học thông qua việc đọc sách, tự nghiên cứu, giải quyết các vấn đề và chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

Vậy để đào tạo theo học chế tín chỉ, các trường đại học và cao đẳng cần những điều kiện gì? Ngay trong Quyết định số 31/2001/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2001 về việc thí điểm tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ đã chỉ rõ 05 điều kiện mà các trường cần phải có, đó là:

1. Đã thiết kế hoàn chỉnh chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Mỗi ngành đào tạo phải có nhiều học phần tự chọn để sinh viên có thể lựa chọn theo định hướng phát triển nghề nghiệp.

2. Có đủ các hướng dẫn về tổ chức đào tạo, chương trình đào tạo toàn khoá của từng ngành đào tạo, chương trình chi tiết các học phần, số học phần sẽ bố trí giảng dạy trong từng học kỳ và lịch trình giảng dạy để cung cấp cho sinh viên.

3. Có đủ số lượng giảng viên có trình độ chuyên môn để giảng dạy về lý thuyết, thực hành, thực tập theo yêu cầu chuyên môn.

4. Có đội ngũ giảng viên tham gia làm chủ nhiệm lớp, để giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập.

5. Có đủ sách tham khảo, tài liệu học tập

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, bên cạnh việc cần phải chuẩn bị kỹ về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất,... các trường muôn triễn khai tốt phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ cũng cần phải chú ý phát triển nguồn học liệu đủ về số lượng và đúng về nội dung. Bởi đào tạo theo tín chỉ là phương thức đòi hỏi sinh viên phải phát huy tối đa khả năng tự học, tự tìm hiểu trên cơ sở hướng dẫn của giảng viên, chủ động tìm hiểu kiến thức qua các nguồn thông tin khác nhau để giải quyết các vấn đề giảng viên nêu ra trên lớp cũng như mở rộng hơn vốn kiến thức của mình. Nếu nguồn học liệu thiếu hay yếu thì vai trò trung tâm của người học sẽ không thể phát huy được cũng như không thể loại bỏ triệt để hình thức học tập thụ động như trước đây “thày đọc trò chép”.

2. Vai trò của Thư viện trong công tác đào tạo theo học chế tín chỉ

Thư viện là một bộ phận hợp thành trường đại học. Với nhiệm vụ chính là cung cấp thông tin phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong toàn trường, thư viện là một nhân tố không thể thiếu trong quá trình đào tạo và nâng cao chất lượng giáo dục. Nhất là đối với các trường đại học đã triển khai mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ, vai trò của thư viện là không thể phủ nhận.

Tạo môi trường tích cực giúp sinh viên tự học tập và nghiên cứu hiệu quả: Với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, nguồn học liệu luôn có vị trí quan trọng. Nó có thể ảnh hưởng đến sự thành bại của phương thức đào tạo này. Nguồn học liệu phong phú, đa dạng sẽ không chỉ giúp cho giảng viên chuẩn bị và cập nhật bài giảng được đầy đủ mà còn giúp cho sinh viên có thể tiếp cận, khai thác thông tin một cách tối ưu. Như chúng ta đã biết, phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ là dạy cho người học cách tìm kiếm, xử lí và tự tích luỹ kiến thức dưới sự chỉ đạo và kiểm soát của người thày, nghĩa là đòi hỏi người học phải tăng cường tự học, tự nghiên cứu. Do đó, khi giảng dạy một môn học mới, giảng viên luôn chú trọng việc cung cấp danh

mục nguồn học liệu bắt buộc hay đọc thêm về môn học để sinh viên tham khảo. Sinh viên muốn học tốt thì cần phải tự tìm hiểu và nghiên cứu các nguồn học liệu đó. Chính vì vậy, họ luôn cần có thư viện, luôn có nhu cầu sử dụng thư viện. Thư viện là môi trường lý tưởng giúp sinh viên có thể tiếp cận nguồn tài liệu học tập, tham khảo một cách hiệu quả nhất. Thư viện là nơi cung cấp các tài liệu đã được chọn lọc phù hợp với chương trình đào tạo, là không gian học tập yên tĩnh, nghiêm túc và là nơi tư vấn thông tin giúp cho sinh viên có thể tự học và tự nghiên cứu.

Hỗ trợ trong việc làm thay đổi phương pháp giảng dạy: Thay vì lên lớp giảng giải, trình bày các bài giảng đã soạn sẵn một cách đơn điệu, giảng viên sẽ nêu ra vấn đề cùng với các nguồn học liệu tham khảo phong phú sẵn có tại thư viện để hướng dẫn sinh viên tự suy nghĩ, tự tìm hiểu, nghiên cứu. Trên cơ sở các thông tin sinh viên thu thập được, giảng viên sẽ cùng sinh viên trao đổi, thảo luận và tìm ra lời giải. Vai trò của người giảng viên ở đây chỉ là người hướng dẫn, người trọng tài đánh giá hoạt động tiếp nhận tri thức một cách sáng tạo của sinh viên.

Mặt khác, để chuẩn bị cho hướng dẫn về “nguồn học liệu”, giảng viên cũng là những người sử dụng thư viện. Các nhu cầu xuất phát từ việc nâng cao trình độ và chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng có thể được đáp ứng nhờ việc sử dụng tài liệu và thông tin của thư viện.

Giúp thay đổi phương pháp học tập: Thay vì học thụ động các bài giảng, giáo trình do giáo viên cung cấp, sinh viên phải chủ động đến thư viện tìm kiếm tài liệu tham khảo liên quan đến các vấn đề đặt ra trong bài học. Từ nhiều nguồn tài liệu, nguồn thông tin khác nhau, sinh viên sẽ phải làm công việc chọn lựa, phân tích, so sánh, đánh giá, tổng hợp những thông tin tri thức này để đưa ra nhận xét cũng như kết luận riêng của mình. Việc sử dụng thư viện sẽ tạo lập cho sinh viên những phẩm chất học tập độc lập, có khả năng lý giải các thông tin và biến chúng thành những kiến thức tự có của mình. Thông qua việc học, sinh viên phản hồi những kiến thức thu nhận được. Những hiểu biết mới sẽ đề xuất những vấn đề mới để sinh viên lại tiếp tục tìm hiểu.

Góp phần làm thay đổi phương pháp đánh giá người học: Nếu như với phương thức đào tạo mang tính thụ động như trước đây, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá chủ yếu dựa trên điểm số bài kiểm tra cuối khóa. Thì ngày nay, sự thay đổi phương pháp giảng dạy và học tập, cùng với việc cung cấp nguồn tài liệu tham khảo đa dạng và phong phú của thư viện đã giúp giáo viên có thể đánh giá sinh viên suốt cả quá trình học thông qua phần trao đổi, thảo luận, đóng góp ý kiến trên lớp và các kết quả nghiên cứu, tìm hiểu... của sinh viên trong mỗi buổi học. Bài thi cuối khóa cũng chỉ là một bài kiểm tra nhỏ với số điểm chiếm một tỷ lệ không quá lớn trong tổng số điểm đánh giá một sinh viên. Kết quả cuối cùng được tính trên tổng điểm cả bài thi cuối khóa và cả các bài tập sinh viên làm trên lớp trong mỗi buổi học. Với cách tính

như vậy, giáo viên có thể đánh giá đúng thực lực của sinh viên, tránh được tình trạng học vẹt, “học tài thi phận” đã tồn tại từ lâu trong sinh viên.

3. Thực trạng Trung tâm Thông tin – Thư viện ở Trường

3.1. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin - Thư viện (sau đây gọi là Thư viện) bao gồm Ban giám đốc, Tổ nghiệp vụ và Tổ phục vụ với đội ngũ cán bộ gồm 15 người. 100% cán bộ đạt trình độ đại học và sau đại học với các chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu công việc (Chuyên ngành Thông tin – Thư viện: 14 người; Tin học: 01 người)

3.2. Cơ sở vật chất

Ngày 27/10/2012, Thư viện đã chuyển sang trụ sở làm việc mới gồm 3 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng 1.600 m², cung cấp hơn 200 chỗ ngồi cho người dùng tin. Thư viện được trang bị 65 máy tính phục vụ cho công tác tra cứu, 20 máy tính phục vụ cho công tác nghiệp vụ cùng các trang thiết bị điện tử khác như đầu đọc mã vạch, cổng từ, máy scan... Sự đầu tư này không chỉ giúp cho người dùng tin dễ dàng trong việc khai thác và tiếp cận thông tin mà còn giúp cho thư viện tiến hành tự động hóa một số khâu công tác. Thư viện nằm ở vị trí thuận tiện đi lại, không gian thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho người dùng tin khi sử dụng.

3.3. Nguồn lực thông tin

Nguồn lực thông tin chính là cơ sở để thư viện đáp ứng nhu cầu tin của người dùng. Nguồn lực thông tin càng phong phú, đa dạng, thư viện càng thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình. Căn cứ theo loại hình vật mang tin, nguồn lực thông tin của Thư viện được chia thành 2 nhóm chính: tài liệu truyền thống và tài liệu điện tử.

Tài liệu truyền thống

Thư viện đã phát triển được nguồn tài liệu truyền thống tương đối lớn về số lượng gồm 119.731 bản tài liệu (tính đến tháng 5/2017) và phong phú về loại hình, phù hợp với chương trình và lĩnh vực đào tạo của Trường bao gồm giáo trình, sách tham khảo, sách tra cứu, báo, tạp chí, luận văn, luận án,... Cụ thể số lượng của mỗi loại hình tài liệu như sau:

TT	Loại hình	SL bản	Tỷ lệ
	Tư liệu (Luận án, Luận văn, Khóa luận, NCKH)	6.862	5.7%
	Ngoại văn	3.765	3.1%

Sách tham khảo	63.165	52.8%
Giáo trình	24.813	20.7%
Sách tra cứu	2.022	1.7%
Kho sách Việt văn	13.236	11.1%
Kho sách thực hành	5.868	4.9%
Tổng cộng	119.731	100%

Ngoài ra, Thư viện còn phục vụ 96 đầu báo, tạp chí khác nhau

cho việc nghiên cứu và giải trí của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong toàn trường.

Tài liệu điện tử

Để đáp ứng nhu cầu của người dùng tin và từng bước hiện đại hóa thư viện, bên cạnh việc bổ sung các tài liệu truyền thống, Thư viện cũng đã phối hợp với Khoa Thư viện - Thông tin trong việc phát triển các loại tài liệu điện tử như: CSDL thư mục, CSDL toàn văn. Số lượng các nguồn tài liệu điện tử tính đến tháng 5/2017 bao gồm:

TT	Loại hình	SL biểu ghi	Tỷ lệ	Đơn vị thực hiện
	CSDL thư mục	32.407	91.1%	Thư viện
	CSDL toàn văn	3.180	8.9%	Khoa TV – TT
	Tổng cộng	35.587	100%	

3.4. Các sản phẩm và dịch vụ thông tin

Sản phẩm thông tin là kết quả của quá trình xử lý thông tin. Nó là phương tiện để người dùng tin tìm kiếm, lựa chọn thông tin phù hợp, chính xác đồng thời giúp thư viện quảng bá, giới thiệu nguồn lực thông tin tới đông đảo người dùng tin.

Thư viện hiện đã xây dựng được các sản phẩm thông tin sau:

- Hệ thống mục lục bao gồm:
 - + Mục lục phân loại
 - + Mục lục chữ cái tên sách, tên tác giả
 - + Mục lục chuyên đề
 - + Mục lục các bài trích báo, tạp chí
 - + Thư mục bao gồm:

- + Thư mục luận văn thạc sĩ
- + Thư mục khóa luận tốt nghiệp
- Cơ sở dữ liệu bao gồm:
 - + CSDL thư mục cho các sách, luận văn và khóa luận tốt nghiệp.
 - + CSDL toàn văn của các bài giảng điện tử, tạp chí điện tử, các khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.

Dịch vụ thông tin được hiểu là toàn bộ những hoạt động do cơ quan thông tin tạo ra để thực hiện việc xác định, truy nhập, khai thác, quản lý các nguồn thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của người dùng tin. Dịch vụ thông tin được tạo ra chính là nhằm kích thích nhu cầu sử dụng sản phẩm thông tin của người dùng tin, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin.

Các dịch vụ thông tin Thư viện đã triển khai:

- Dịch vụ cung cấp tài liệu gốc
 - + Dịch vụ đọc tại chỗ
 - + Dịch vụ mượn về nhà
 - + Dịch vụ sao chụp tài liệu
 - + Dịch vụ đọc đa phương tiện
 - + Dịch vụ trao đổi thông tin
 - + Dịch vụ hỏi đáp
- Dịch vụ phổ biến thông tin
 - + Triển lãm, trưng bày sách
 - + Nói chuyện chuyên đề
 - Dịch vụ tra cứu thông tin
 - + Dịch vụ tra cứu truyền thống
 - + Dịch vụ tra cứu hiện đại

3.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thư viện

Thư viện đã ứng dụng công nghệ thông tin trong nhiều khâu công tác của thư viện như xử lý, lưu trữ, khai thác thông tin, an ninh an toàn cho tài liệu,... Hiện nay 02 phần mềm đang được dùng để quản lý dữ liệu là: phần mềm quản lý thư viện Ilib 4.0 (dùng để quản lý CSDL thư mục) và phần mềm mã nguồn mở DSpace (dùng để quản

lý CSDL toàn văn). Mặc dù đây chưa phải là những phần mềm hiện đại nhưng cũng hỗ trợ thư viện rất nhiều trong công tác xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin.

3.6. Đánh giá chung

Thuận lợi:

- Thư viện có cơ sở vật chất khá rộng rãi, thoáng mát; trang thiết bị được đầu tư tương đối đầy đủ, đáp ứng được phần nào nhu cầu sử dụng của người dùng tin
 - + Nhiều sản phẩm và dịch vụ thông tin đã được triển khai
 - + Đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao
 - + Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thư viện
 - + Một điểm thuận lợi rất lớn là Trường có khoa đào tạo chuyên ngành Thư viện Thông tin với bề dày truyền thống và đội ngũ các nhà khoa học uy tín trong ngành.

Khó khăn:

- Kinh phí đầu tư cho các hoạt động của thư viện, nhất là hoạt động bổ sung còn hạn hẹp. Bên cạnh đó, thư viện chưa có nguồn ngân sách ổn định nên khó chủ động trong việc lên kế hoạch hoạt động hàng năm cũng như phân bổ nguồn tài chính giữa các đầu mục công việc sao cho hợp lý.
 - Nguồn lực thông tin của thư viện còn nhiều hạn chế. Nhiều nguồn học liệu phục vụ cho chương trình môn học còn thiếu hoặc rất cũ. Tài liệu ngoại văn ít. Đặc biệt, nguồn tài liệu điện tử còn nghèo nàn, mới chỉ dừng lại ở số ít nguồn tài liệu điện tử nội sinh. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho thư viện không thu hút được người dùng tin đến với thư viện.
 - Đội ngũ cán bộ tuy đông về số lượng và có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thư viện cao nhưng lại thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn sâu và giỏi về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Điều này gây khó khăn cho thư viện khi nghiên cứu và triển khai ứng dụng các thành tựu của công nghệ vào hoạt động thư viện.
 - Hạ tầng công nghệ thông tin của thư viện còn yếu, nhiều trang thiết bị điện tử qua một thời gian dài sử dụng đã xuống cấp, hỏng hóc; phần mềm quản lý thư viện lỗi thời; người dùng tin không thể khai thác thông tin từ xa; khả năng liên kết, chia sẻ dữ liệu với các thư viện khác trong và ngoài nước hầu như không thực hiện được.

- Sự phối hợp giữa các Khoa, Phòng ban chức năng với Thư viện còn chưa chặt chẽ, thiếu các chính sách quy định cụ thể, mang tính pháp lý. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ tới việc triển khai các hoạt động chuyên môn của thư viện cũng như hiệu quả khai thác thư viện.

- Người dùng tin của thư viện có trình độ và khả năng sử dụng thư viện nói chung và máy tính nói riêng là khác nhau nên cũng gây khó khăn cho thư viện trong quá trình phục vụ.

- Mặc dù là Trường có đào tạo chuyên ngành về Thư viện – Thông tin nhưng Thư viện chưa cập nhật và áp dụng được các công nghệ, các chuẩn quốc tế, các xu hướng phát triển thư viện mới.

4. Đề xuất, kiến nghị

Thư viện luôn đóng một vai trò quan trọng trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Nhất là khi phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đã chính thức được triển khai, thư viện càng cần phải phát huy hơn nữa vai trò của mình để thư viện thực sự trở thành “giảng đường thứ 2”, “là địa chỉ quen thuộc” của cả thầy và trò Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Để làm được điều đó cần:

4.1. Về phía Thư viện

Nhanh chóng rà soát và lên kế hoạch bổ sung các nguồn học liệu bắt buộc và tham khảo phục vụ cho chương trình môn học mà thư viện còn thiếu. Các danh mục cần bổ sung này nên sắp xếp theo thứ tự ưu tiên để Thư viện có thể xây dựng một kế hoạch bổ sung hợp lý, hiệu quả.

Triển khai các sản phẩm và dịch vụ thông tin chất lượng cao, có khả năng giúp người dùng tin khai thác thông tin từ xa, không hạn chế về không gian, thời gian và số lượng truy cập. Có sự quan tâm thích đáng tới công tác đào tạo người dùng tin và các hoạt động nhằm thu hút người dùng tin tới thư viện cũng như quảng bá hình ảnh của thư viện tới đông đảo người dùng tin, đặc biệt là sinh viên.

Chủ động trong việc nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ và chuẩn quốc tế mới vào thư viện; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các thành tựu công nghệ hiện đại khác trong quá trình quản lý và khai thác thông tin.

Phối hợp chặt chẽ với các Khoa, Phòng ban nói chung và Khoa Thư viện – Thông tin nói riêng trong việc nắm bắt chương trình đào tạo và triển khai các hoạt động nghiệp vụ.

Tăng cường liên kết với các thư viện đại học khác, đặc biệt là các trường đại học, cao đẳng có cùng chuyên ngành đào tạo nhằm phát triển tối đa nguồn lực thông tin cũng như các sản phẩm và dịch vụ thông tin.

Không ngừng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ cả về nghiệp vụ thư viện lẫn tin học, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm.

4.2. Về phía Nhà trường

Có sự nhìn nhận đúng về vai trò của thư viện trong công tác đào tạo theo học chế tín chỉ.

Quan tâm đầu tư kinh phí cho thư viện trong việc nâng cấp và triển khai các hoạt động chuyên môn.

Xây dựng các chính sách, quy định cụ thể để thư viện có thể chủ động trong việc triển khai các hoạt động chuyên môn của mình.

Trải qua gần 60 năm hình thành và phát triển, thư viện đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử. Tuy nhiên, ở giai đoạn nào, thư viện cũng luôn đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy - học của trày và trò Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Đứng trước những sự chuyển biến tích cực trong phương thức đào tạo của Nhà trường, thư viện cũng cần có những sự thay đổi sao cho phù hợp với yêu cầu mới, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Đ.T.Q

(Thạc sĩ, Giảng viên, Khoa Thư viện – Thông tin)

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thanh Ái (2010), Đào tạo theo hệ thống tín chỉ: các nguyên lý, thực trạng và giải pháp, *Kỷ yếu hội thảo Khoa học toàn quốc về Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo tín chỉ*, Đại học Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, tr. 42-53.
2. Báo cáo thống kê số liệu thư viện 2015 – 2017 của Trung tâm Thông tin – Thư viện, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDDT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
4. Trần Thị Minh Nguyệt (2007), Đổi mới hoạt động thông tin thư viện tại các trường đại học phục vụ đào tạo theo học chế tín chỉ, *Tạp chí Giáo dục*, số 166, tr.16
5. Quyết định số 31/2001/QĐ-BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2001 về việc thí điểm tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.
6. Hoàng Văn Vân, *Phương thức đào tạo theo tín chỉ: Lịch sử, bản chất, và những hàm ý cho phương pháp giảng dạy - học ở bậc đại học*, truy cập ngày 24/12/2017, tại địa chỉ: <https://vnu.edu.vn/home/?C1635/N4437/Phuong-thuc-dao-tao-theo-tin-chi:-lich-su,-ban-chat,-va-nhung-ham-y-cho-phuong-phap-giang-day---hoc-o-bac-dai-hoc.htm>